TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01730

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13122126	TẠ HỒNG	PHÚC	DH13QT		2		3	6	9	9	0
2	13120081	HUỲNH YẾN	PHƯƠNG	DH13KM		1		3	5	8	8	0
3	13120344	NGUYỄN HÀ LÊ	PHƯƠNG	DH13KM		1		3	6	9	9	0
4	13120346	NGUYỄN THỊ ÁNH	PHƯƠNG	DH13KM		1		2	7	9	9	0
5	13122130	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH13QT		1		2	7	9	9	0
6	12131275	PHẠM ANH	QUỐC	DH12CH		1		3	5	8	8	0
7	13120087	TRẦN VĂN	QUÝ	DH13KM		2		3	6	9	9	0
8	13122135	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUYÊN	DH13QT		1		3	5	8	8	0
9	12123167	LÊ THỊ THÚY	QUỲNH	DH12KE		1		3	5	8	8	0
10	13120358	PHẠM NGỌC	QUỲNH	DH13KM		1		3	5	8	8	0
11	13120359	PHẠM THÚY	QUỲNH	DH13KM		1		3	5	8	8	0
12	12131145	PHẠM NAM	SƠN	DH12TK		1		3	5	8	8	0
13	13120369	TRẦN TRỌNG	TÂM	DH13KM		1		3	5	8	8	0
14	13120384	DƯƠNG VĂN	THẠCH	DH13KM		1		3	5	8	8	0
15	12131200	ĐỖ VĂN	THÁI	DH12CH		2		3	6	9	9	0
16	13120371	ĐINH THỊ THIÊN	THANH	DH13KT		1		3	5	8	8	0
17	10120038	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH10KT		1		3	5	8	8	0
18	13122158	CAO HUỲNH	THI	DH13QT		2		2	7	9	9	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01730

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	12123257	MAI	THI	DH12KE		1		2	6	8	8	0
20	13120389	NGUYỄN NGỌC	THI	DH13KM		1		2	6	8	8	0
21	12120219	NAY	THIÊN	DH12KT		1		3	5	8	8	0
22	13120098	HUỲNH THỊ	THƠM	DH13KT		1		3	5	8	8	0
23	13120099	HUỲNH THỊ LỆ	THU	DH13KM		1		3	5	8	8	0
24	12123050	NGUYỄN THỊ CẨM	THU	DH12KE		2		3	5	8	8	0
25	12131151	NGUYỄN THỊ KIM	THÚY	DH12TK		1		3	5	8	8	0
26	12120133	TRẦN THỊ	THÚY	DH12KM		1		3	5	8	8	0
27	13120101	TỪ THANH	THÚY	DH13KT		1		2	6	8	8	0
28	~~12131281~~	~~NGÔ VĂN~~	~~TOAN~~	~~DH12CH~~							0	0
29	13155276	LÊ THỊ ĐOAN	TRANG	DH13KN		1		2	6	8	8	0
30	13122187	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH13QT		1		2	6	8	8	0
31	13120431	NGUYỄN HOÀI MAI	TRÂM	DH13KM		1		2	6	8	8	0
32	13122193	PHẠM NGỌC THU	TRÂM	DH13QT		1		3	5	8	8	0
33	13155280	VÕ THỊ QUỲNH	TRÂM	DH13KN		1		2	6	8	8	0
34	13120106	LÊ THỊ HUYỀN	TRÂN	DH13KM		1		2	6	8	8	0
35	13120439	ĐÀO HUYỀN	TRINH	DH13KT		2		2	6	8	8	0
36	13120107	NGUYỄN THỊ MAI	TRINH	DH13KM		1		3	6	9	9	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01730

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV400A Nhóm : 04 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13122202	LÊ THỊ THANH	TRÚC	DH13QT		1		3	5	8	8	0
38	13120446	LÊ SỸ	TUẤN	DH13KM		1		3	5	8	8	0
39	13120450	PHẠM MINH	TUẤN	DH13KM		2		3	6	9	9	0
40	13120453	PHẠM MINH	TUYỀN	DH13KM		2		3	5	8	8	0
41	13120454	PHẠM THỊ THANH	TUYỀN	DH13KM		1		3	6	9	9	0
42	13120486	PHẠM LÊ TƯỜNG	VY	DH13KM		1		3	5	8	8	0
43	13120500	VŨ NGỌC THẢO	VY	DH13KT		1		3	5	8	8	0
44	12131251	VÕ THỊ THANH	XUÂN	DH12TK		2		3	5	8	8	0
45	12131157	ĐOÀN THỊ HOÀNG	YẾN	DH12TK		2		3	6	9	9	0
46	13120502	LÊ THỊ HỒNG	YẾN	DH13KM		1		3	5	8	8	0
47	13120122	NGUYỄN THỊ NHƯ	YẾN	DH13KM		1		3	5	8	8	0
48	10123232	PHẠM THỊ	YẾN	DH10KE		1		3	5	8	8	0

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 47

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01720

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13120003	NGUYỄN THỊ NHÂN	ÁI	DH13KT	Ái	1		2	7	8	8	0
2	13121012	LÊ THỊ TÚ	ANH	DH13PT	Anh	1		2	7	9	9	0
3	13120140	NGUYỄN HOÀNG	ANH	DH13KT	Anh	1		3	5	8	8	0
4	13120145	PHÙNG THẾ	ANH	DH13KT	Anh	1		3	5	8	8	0
5	13120005	TÔ THỊ HỒNG	ÁNH	DH13KT	Ánh	1		3	6	9	9	0
6	13122008	TRƯƠNG THỊ NGỌC	ÁNH	DH13TM	Ánh	2		3	6	9	9	0
7	13120151	HUỲNH THỊ	ÂU	DH13KT	Âu	1		2	6	8	8	0
8	13120006	NGUYỄN QUỐC	BẢO	DH13KT	Bảo	2		3	6	9	9	0
9	13121001	BÙI THỊ	BẢY	DH13PT	Bảy	1		2	5	7	7	0
10	13120153	NGUYỄN THỊ	BÌNH	DH13KM	Bình	1		2	7	9	9	0
11	13120010	PHẠM HOÀNG	CHƯƠNG	DH13KT		1		2	6	8	8	0
12	13121023	NGUYỄN THÚY	DIỄM	DH13PT		1		2	6	8	8	0
13	13120013	NGUYỄN THỊ	DUNG	DH13KT		2		2	7	9	9	0
14	13120167	NGUYỄN VÕ MỸ	DUNG	DH13KT	Dung	2		2	6	9	9	0
15	13121028	TRẦN THỊ THÙY	DUNG	DH13PT		2		2	7	9	9	0
16	13120171	VƯƠNG NGỌC THẢO	DUNG	DH13KT	Dung	1		3	5	8	8	0
17	13122032	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH13TM		1		3	5	8	8	0
18	13120025	LÊ ĐÌNH	HẢI	DH13KT	Hải	1		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01720

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD204 Nhóm : 01 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13120026	NGUYỄN THANH	HẢI	DH13KT		1		3	5	8	8	0
20	13120210	BÙI NGỌC	HÂN	DH13KT		1		2	6	8	8	0
21	13121045	ĐẶNG THỊ THÚY	HIỀN	DH13PT		2		3	6	9	9	0
22	13120218	HỒ MỸ	HOA	DH13KT		1		3	5	8	8	0
23	13120038	BÙI THỊ KHÁNH	HÒA	DH13KM		1		3	6	9	9	0
24	13121061	TRẦN QUANG	HUY	DH13PT		1		3	5	8	8	0
25	13121064	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH13PT		1		3	6	9	9	0
26	13122062	BÙI QUỐC	HƯNG	DH13TM		1		3	5	8	8	0
27	13121067	NGUYỄN PHAN LAN	HƯƠNG	DH13PT		2		3	6	9	9	0
28	13120235	NGUYỄN THỊ THANH	HƯƠNG	DH13KT		1		3	6	9	9	0
29	13120048	NGUYỄN HOÀNG	KHANG	DH13KT		1		3	5	8	8	0
30	13124161	LÊ ĐĂNG	KHOA	DH13QL		1		3	5	8	8	0
31	13122069	ĐẶNG THỊ	KIỀN	DH13TM		1		3	5	8	8	0
32	13120258	TRỊNH THỊ THÚY	LÀI	DH13KT		1		3	5	8	8	0
33	13121079	PHẠM THỊ BÉ	LIỄU	DH13PT		1		3	5	8	8	0
34	13121080	TRƯƠNG THỊ BÍCH	LIỄU	DH13PT		1		3	5	8	8	0

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: : 34

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Duyên Linh ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01728

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13122007	NGUYỄN THỊ NHƯ	ÁI	DH13QT		1		3	5	8	8	0
2	13122004	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	ANH	DH13QT		1		3	6	9	9	0
3	13120144	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	DH13KT		1		2	6	8	8	0
4	12120218	SÔ Y	BÁO	DH12KT		1		2	6	8	8	0
5	10130901	LÊ VĂN	BÌNH	DH12QT		1		2	6	8	8	0
6	13122012	PHẠM QUANG	BÌNH	DH13QT		2		3	6	9	9	0
7	12131019	NGUYỄN THỊ HỒNG	CHIÊN	DH12CH		1		3	6	9	9	0
8	13120012	LÊ NGUYỄN THANH	DUNG	DH13KM		1		3	5	8	8	0
9	13120166	MAI THỊ	DUNG	DH13KT		1		3	5	8	8	0
10	13120168	PHAN NGỌC KIỀU	DUNG	DH13KT		1		2	6	8	8	0
11	13122250	TRẦN THỊ NGỌC	DUNG	DH13QT		1		2	6	8	8	0
12	11155041	VŨ THỊ THÙY	DUNG	DH11KN		1		2	6	8	8	0
13	13120017	THÁI VĂN	DŨNG	DH13KT		1		2	6	8	8	0
14	13120015	VÕ THÚY	DUY	DH13KT		1		2	6	8	8	0
15	12124152	VÕ CAO KỲ	DUYÊN	DH12QL		1		2	6	8	8	0
16	13122256	VÕ THỊ MỸ	DUYÊN	DH13QT		1		2	6	8	8	0
17	12123016	NGÔ THỊ	ĐÀO	DH12KE				2	6	8	8	0
18	12131122	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	DH12CH		1		2	6	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01728

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV335 Nhóm : 04 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13120022	VÕ HUỲNH HƯƠNG	GIANG	DH13KT		1		3	5	8	8	0
20	13122269	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH13QT		1		3	5	8	8	0
21	13120023	NGUYỄN THỊ BÍCH	HÀ	DH13KM		1		3	5	8	8	0
22	12131127	NGUYỄN THỊ MINH	HÀ	DH12TK		1		3	5	8	8	0
23	11123009	THÁI THỊ	HÀI	DH11KE		1		3	6	9	9	0
24	13120206	LÊ THỊ THANH	HẰNG	DH13KT		1		3	6	9	9	0
25	12120406	PHẠM THỊ	HIỀN	DH12KT		1		3	5	8	8	0
26	13120033	CAO THỊ NGỌC	HIẾU	DH13KT		1		2	6	8	8	0
27	10160034	NGUYỄN THỊ XUÂN	HIẾU	DH10TK		2		2	6	8	8	0
28	13122052	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH13QT		1		2	6	8	8	0
29	13120040	NGUYỄN THỊ	HÒA	DH13KM		1		2	6	8	8	0
30	13120221	NGUYỄN THỊ	HỒNG	DH13KM		1		2	6	8	8	0
31	13120044	NGUYỄN TÀI	HUY	DH13KT		1		2	6	8	8	0

Số lượng vắng: 01 Hiện diện: : 30

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Trương Thị Mỹ Vân

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01727

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333 Nhóm : 03 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155249	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH13KN		1		2	5	7	7	0
2	12131297	ĐÀO THỊ HOÀI	THÂN	DH12CH		1		2	6	8	8	0
3	13122390	NGUYỄN XUÂN	THỂ	DH13TM		1		2	6	8	8	0
4	13121155	NGUYỄN THỊ	THOẢN	DH13PT		1		2	6	8	8	0
5	13122163	ĐỖ THỊ	THU	DH13QT		1		2	7	9	9	0
6	13155263	HUỲNH THỊ THU	THỦY	DH13KN		2		2	7	9	9	0
7	13155267	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	DH13KN		1		2	6	8	8	0
8	13155035	NGUYỄN TRUNG	TÍN	DH13KN		1		1	6	7	7	0
9	13122183	DƯƠNG THỊ THÙY	TRANG	DH13QT		2		3	6	9	9	0
10	13121177	LÊ NGUYÊN ĐÀI	TRANG	DH13PT		1		2	6	8	8	0
11	13155036	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH13KN		1		3	6	9	9	0
12	13120432	NGUYỄN LÊ NGỌC	TRÂM	DH13KM		1		2	6	8	8	0
13	13155038	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRÂM	DH13KN		1		1	7	8	8	0
14	13155278	THÁI NGỌC	TRÂM	DH13KN		1		1	7	8	8	0
15	13155285	LÊ THỊ MỘNG	TRINH	DH13KN		1		2	6	8	8	0
16	13122430	NGÔ THỊ TUYẾT	TRINH	DH13QT		2		2	7	9	9	0
17	13122197	NGUYỄN HOÀNG PHƯƠN	TRINH	DH13QT		2		3	6	9	9	0
18	13122198	NGUYỄN TUYẾT	TRINH	DH13QT		1		2	6	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01727

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV333 Nhóm : 03 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13122200	TRẦN PHƯƠNG	TRINH	DH13QT		1		2	6	8	8	0
20	13155288	LÊ VŨ	TRƯỜNG	DH13KN		1		2	6	8	8	0
21	13122207	LÊ VĂN	TUẤN	DH13QT		1		2	6	8	8	0
22	13122212	CHẾ VĂN	TÙNG	DH13QT		1		1	6	7	7	0
23	13122209	HÀ THỊ THANH	TUYỀN	DH13QT		1		2	6	8	8	0
24	13121200	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	DH13PT		2		3	5	8	8	0
25	13155305	TRƯƠNG THỊ	VẸN	DH13KN		1		3	5	8	8	0
26	13121205	ĐÀO ÁI	VI	DH13PT		2		2	6	8	8	0
27	13155310	NGUYỄN LÊ HOÀNG	VŨ	DH13KN					Vắng	✓	0	0
28	13155044	ĐOÀN LÊ PHƯƠNG	VY	DH13KN		1		3	6	9	9	0
29	13155045	LÊ THỊ	XUÂN	DH13KN		2		2	7	9	9	0
30	13122230	HỒNG THỊ NGỌC	YẾN	DH13QT		1		2	6	8	8	0
31	13155317	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	DH13KN		1		2	6	8	8	0

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 30

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Bùi Thị Kim Hoàng

Ng T. Huy

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04

Tổ : 002

Mã nhận dạng 01729

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12120284	TRẦN	HƯNG	DH12KT		1		2	5	7	7	0
2	13120247	HUỲNH THÚC	KHÁNG	DH13KM		1		3	5	8	8	0
3	13122067	HUỲNH LÊ TUẤN	KHANH	DH13QT		2		2	6	8	8	0
4	12131039	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	DH12CH		1		1	7	8	8	0
5	13120051	NGUYỄN HÀ ĐĂNG	KHOA	DH13KT		1		2	6	8	8	0
6	13120052	PHẠM ĐĂNG	KHOA	DH13KT		1		2	7	9	9	0
7	13120053	CHU THỊ	KIỀU	DH13KM		1		2	6	8	8	0
8	13120262	VÕ THỊ	LỆ	DH13KM		2		2	7	9	9	0
9	13120263	ĐẶNG THỊ DIỆU	LIÊN	DH13KT		1		2	6	8	8	0
10	12120351	LÊ THỊ NHƯ	LIÊN	DH12KT		1		1	7	8	8	0
11	13120267	LÊ THỊ TRÚC	LINH	DH13KT		1		2	6	8	8	0
12	12131100	NGUYỄN THẢO	LINH	DH12TK		1		2	7	9	9	0
13	13122078	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	DH13QT		2		3	6	9	9	0
14	12131243	TRẦN THỊ MỸ	LY	DH12CH		1		2	6	8	8	0
15	13120280	HOÀNG THỊ	LÝ	DH13KM		1		2	7	9	9	0
16	12120476	ĐẶNG THỊ TUYẾT	MINH	DH12KM		1		2	6	8	8	0
17	12131164	NGUYỄN NGỌC THÚY	MY	DH12TK		1		2	6	8	8	0
18	13122097	NGUYỄN THỊ HOA	MỸ	DH13QT		2		2	6	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 04 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01729

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV337 Nhóm : 04 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13120296	ĐOÀN NGUYỄN PHI	NGÂN	DH13KT		1		2	6	8	8	0
20	12131007	LÊ HIẾU	NGHĨA	DH12CH		1		1	6	7	7	0
21	13120303	HÀ THỊ	NGOAN	DH13KM		1		2	6	8	8	0
22	13120305	LÊ KIM	NGỌC	DH13KM		1		3	5	8	8	0
23	12122184	LÊ ĐẶNG THẢO	NGUYÊN	DH12QT		1		3	5	8	8	0
24	13120317	VÕ HOÀNG	NGUYÊN	DH13KT		1		2	6	8	8	0
25	12120302	VÕ VĂN	NGUYÊN	DH12KM		1		2	6	8	8	0
26	13120069	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	NHI	DH13KM		1		2	7	9	9	0
27	13120071	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	DH13KM		1		2	6	8	8	0
28	13120335	HÀ THỊ	NỞ	DH13KT		1		2	7	9	9	0
29	11122096	ĐÀO THỊ HOÀNG	OANH	DH11QT		1		2	6	8	8	0
30	12131105	NGUYỄN HỒNG	PHÁT	DH12TK		1		2	6	8	8	0
31	12131216	VÕ HOÀI	PHONG	DH12CH		2		1	7	8	8	0

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: : 31

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Trần Thị Thơ Tăng Thị Dung ThS. Nguyễn Duyên Linh Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01726

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 20%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155007	LÊ QUANG NHẤT	HOÀNG	DH13KN				2	5	7	7	0
2	13155114	NGUYỄN THỊ THANH	HỒNG	DH13KN				2	6	8	8	0
3	13122295	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	DH13TM				3	6	9	9	0
4	13122300	NGUYỄN NHƯ	HƯNG	DH13QT				2	6	8	8	0
5	13122301	PHAN THẾ	HƯNG	DH13TM				2	6	8	8	0
6	13122064	TRỊNH THỊ	HƯƠNG	DH13TM		2		2	6	8	8	0
7	13155130	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	DH13KN				2	6	8	8	0
8	13155131	LƯU THỊ CẨM	HƯỜNG	DH13KN				2	6	8	8	0
9	13155138	NGUYỄN THỊ MINH	KHÔI	DH13KN				3	5	8	8	0
10	13121076	NGUYỄN THỊ BÉ	LAN	DH13PT				3	6	9	9	0
11	13155144	NGUYỄN THỊ HÀ	LAN	DH13KN				2	6	8	8	0
12	13155147	LÂU PHỤNG	LINH	DH13KN				3	5	8	8	0
13	13155150	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	DH13KN				2	7	9	9	0
14	13120273	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	DH13KM				2	6	8	8	0
15	13155151	PHAN THỊ THÙY	LINH	DH13KN				2	6	8	8	0
16	13122323	NGUYỄN HỮU	LỘC	DH13QT				2	6	8	8	0
17	12131045	NGUYỄN THỊ DUNG	LY	DH12TK				2	6	8	8	0
18	13122086	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	DH13TM		2		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01726

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13155160	NGUYỄN THỊ DIỄM	MAI	DH13KN				2	6	8	8	0
20	13155161	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	DH13KN				2	6	8	8	0
21	13122095	PHAN CẨM	MỸ	DH13QT				3	5	8	8	0
22	13155022	DƯƠNG THỊ THANH	NGA	DH13KN				3	5	8	8	0
23	13122100	ĐỖ THỊ THIÊN	NGA	DH13TM				2	6	8	8	0
24	12131248	NGUYỄN THỊ	NGA	DH12CH				2	6	8	8	0
25	13121102	NGUYỄN THỊ HUYỀN	NGÂN	DH13PT				3	5	8	8	0
26	13155174	TRẦN CÔNG	NGHĨA	DH13KN				2	6	8	8	0
27	13155182	NGUYỄN THANH	NHÀN	DH13KN				2	6	8	8	0
28	13155187	HUỲNH LỮ	NHI	DH13KN	V			V	V	V	V	V
29	13155188	LÊ BẢO	NHI	DH13KN		2		2	6	8	8	0
30	13155189	LÊ THỊ	NHI	DH13KN		2		3	5	8	8	0
31	13155192	NGUYỄN THỊ TÚ	NHI	DH13KN				3	5	8	8	0
32	12131058	LƯƠNG KHÁNH	NHƯ	DH12TK				2	6	8	8	0
33	12131245	NGUYỄN NHƯ	NHƯ	DH12TK				1	7	8	8	0
34	12131218	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	DH12TK				1	6	7	7	0
35	12131172	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	DH12TK				1	7	8	8	0
36	13155200	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯƠNG	DH13KN				2	6	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01726

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV325 Nhóm : 03 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ1 (%)	Đ2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13155202	BÙI THỊ HOÀNG	OANH	DH13KN				2	6	8	8	0
38	13122121	ĐỖ THỊ KIM	OANH	DH13QT				3	5	8	8	0
39	12131185	PHẠM THỊ NGỌC	PHƯƠNG	DH12CH				3	5	8	8	0
40	13155221	PHẠM THỊ MỸ	PHƯỢNG	DH13KN				3	5	8	8	0
41	12131143	NGUYỄN NGỌC	QUÍ	DH12CH				3	5	8	8	0
42	13121131	NGUYỄN THỊ	QUÝ	DH13PT				2	5	7	7	0
43	13121127	BÙI THỊ KHÁNH	QUYÊN	DH13PT		2		2	6	8	8	0
44	13120353	PHẠM TRẦN THU	QUYÊN	DH13KT				1	5	6	6	0
45	13120356	ĐINH TÚ	QUỲNH	DH13KM				2	6	8	8	0
46	13120360	TÔN THỊ NHƯ	QUỲNH	DH13KT				2	6	8	8	0
47	12131296	LÊ THỊ TRÚC	SINH	DH12CH				2	6	8	8	0
48	12131195	NGUYỄN THỊ	TÂM	DH12CH		2		2	7	9	9	0
49	13122143	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	DH13QT				2	6	8	8	0
50	13155030	NGUYỄN QUỐC	THẠCH	DH13KN				2	5	7	7	0
51	13121148	NGUYỄN THỊ	THẢO	DH13PT				2	6	8	8	0

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 50

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01721

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13120055	LƯU GIA	LINH	DH13KT		2		2	7	9	9	
2	13121085	QUÀNG THỊ THÙY	LINH	DH13PT				2	6	8	8	
3	13121005	TRẦN THỊ TRÚC	LINH	DH13PT		2		2	6	8	8	
4	13121087	TRẦN THÙY	LINH	DH13PT				2	5	7	7	
5	12120626	NGUYỄN THỊ KIỀU	LOAN	DH12KM				3	5	8	8	
6	13120276	ĐẶNG HOÀNG	LONG	DH13KT		2		2	6	8	8	
7	13120059	NGUYỄN THỊ	LỤA	DH13KM				3	5	8	8	
8	13120282	NGUYỄN THỊ HUỲNH	MAI	DH13KM				2	6	8	8	
9	13121006	PHAN ĐỨC	MẠNH	DH13PT				2	6	8	8	
10	12122080	PHẠM THÀNH	NAM	DH12QT				2	5	7	7	
11	13120293	BÙI KIM	NGÂN	DH13KT				1	7	8	8	
12	13121103	PHÙNG THỊ	NGÂN	DH13PT		2		2	6	8	8	
13	13122108	KIM	NGUYÊN	DH13TM				1	7	8	8	
14	13120312	NGÔ THẢO	NGUYÊN	DH13KT					Vắng	V	V	
15	13122110	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYÊN	DH13TM				2	6	8	8	
16	13120314	NGUYỄN THỊ THÙY	NGUYÊN	DH13KM				2	6	8	8	
17	13120320	NGUYỄN THỊ	NHÀI	DH13KM		1		2	7	9	9	
18	13122347	ĐÀO THỊ YẾN	NHI	DH13TM				3	6	9	9	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01721

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30%	Điểm thi 70%	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13121109	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	DH13PT				3	6	9	9	0
20	13120328	PHẠM LÊ CẨM	NHUNG	DH13KM				2	6	8	8	0
21	13121114	NGUYỄN PHẠM MINH	NHỰT	DH13PT		2		2	6	8	8	0
22	13120073	LÊ THỊ QUỲNH	NƯƠNG	DH13KM				2	6	8	8	0
23	13121116	TÔ PHƯƠNG	OANH	DH13PT		2		3	6	9	9	0
24	13120079	TRƯƠNG ĐÌNH	PHÚ	DH13KT				2	6	8	8	0
25	13120080	HOÀNG NGUYỄN HOÀI	PHƯƠNG	DH13KT				1	7	8	8	0
26	13120082	LÊ HOÀI	PHƯƠNG	DH13KT				1	7	8	8	0
27	13121123	TRẦN THỊ	PHƯƠNG	DH13PT				2	6	8	8	0
28	13120349	TRẦN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	DH13KT		21		3	5	8	8	0
29	12120121	HỒ THỊ MỸ	QUY	DH12KM				3	5	8	8	0
30	13120351	LÊ THỊ THẢO	QUYÊN	DH13KT				2	6	8	8	0
31	13120084	PHẠM ĐỖ	QUYÊN	DH13KM				2	7	9	9	0
32	13121137	PHẠM MINH	SƠN	DH13PT				2	6	8	8	0
33	13120366	NGUYỄN THỊ	TÀI	DH13KT				2	6	8	8	0
34	13120367	ĐINH NGUYỄN MINH	TÂM	DH13KT				2	6	8	8	0
35	13120090	LÊ NGỌC THIÊN	THANH	DH13KM		2		2	7	9	9	0
36	13121145	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	DH13PT		2		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01721

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%) 30	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13120420	HUỲNH THỊ THU	TRANG	DH13KT	Trang	2		2	6	8	8	0
56	13121178	LÊ NGUYỄN XUÂN	TRANG	DH13PT				2	6	8	8	0
57	13121179	LÊ THỊ THÙY	TRANG	DH13PT				2	6	8	8	0
58	13120428	ĐỖ THỊ BÍCH	TRÂM	DH13KT				2	6	8	8	0
59	13121181	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	DH13PT				3	5	8	8	0
60	13121184	ĐOÀN BÍCH	TRÂN	DH13PT				3	5	8	8	0
61	13121185	HỒNG THỊ BÍCH	TRINH	DH13PT				2	6	8	8	0
62	13121011	VÕ THỊ HỒNG	ÚT	DH13PT		2		2	6	8	8	0
63	13120114	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	UYÊN	DH13KT		2		2	6	8	8	0
64	13120459	THÁI NHẬT	UYÊN	DH13KT				3	5	8	8	0
65	13120460	TRẦN HUỲNH NHÃ	UYÊN	DH13KT				3	5	8	8	0
66	12122270	TĂNG TIỆN	VŨ	DH12TM				2	6	8	8	0
67	13120474	LÊ HÙNG	VƯƠNG	DH13KT				2	6	8	8	0
68	13120130	LƯƠNG VĂN	VƯỢNG	DH13KT				1	7	8	8	0
69	13120475	CAO THỊ THẢO	VY	DH13KT				2	7	9	9	0
70	12120326	ĐÀO THỊ MINH	VY	DH12KM				2	6	8	8	0
71	13120479	LÊ BẢO	VY	DH13KM				2	6	8	8	0
72	13120482	NGUYỄN THỊ	VY	DH13KT				2	6	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 01 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01721

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 01 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (30 %)	Điểm thi 70	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	13120487	VÕ THỊ	VY	DH13KT				2	6	8	8	0
74	13122448	NGUYỄN THỊ	XINH	DH13TM		21		3	5	8	8	0
75	13120491	NGUYỄN THỊ NGỌC	XUYẾN	DH13KT		2		2	6	8	8	0
76	13122234	NGUYỄN HUỲNH NHƯ	Ý	DH13TM				2	6	8	8	0
77	13120496	VÕ THỊ KIM	YẾN	DH13KM				3	5	8	8	0

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 76

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Lê Thị Thuê Trang

Nguyễn Thị Kim Thoa

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01725

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155049	LỮ THỊ THÚY	AN	DH13KN		1		2	6	8	8	0
2	13155052	VÕ THỊ THANH	AN	DH13KN		1		3	5	8	8	0
3	12131158	HOÀNG THỊ KIM	ANH	DH12TK		1		3	5	8	8	0
4	13155061	NGUYỄN KHÁNH THIÊN	ÂN	DH13KN		1		3	5	8	8	0
5	13155065	NGUYỄN THANH	BÌNH	DH13KN		1		3	5	8	8	0
6	13121002	NGUYỄN THỊ	BÌNH	DH13PT		1		3	5	8	8	0
7	13155066	TRẦN THỊ THÚY	BÌNH	DH13KN		1		3	5	8	8	0
8	13155001	NGUYỄN THỊ BÍCH	CHI	DH13KN		1		2	6	8	8	0
9	13120162	NGUYỄN THỊ THU	CÚC	DH13KM		1		2	6	8	8	0
10	13155072	NGUYỄN HỒ MỸ	DIỆP	DH13KN		1		2	6	8	8	0
11	13122248	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DIỆU	DH13QT		1		2	7	9	9	0
12	13155073	CAO THỊ PHƯƠNG	DUNG	DH13KN		1		2	6	8	8	0
13	13155078	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	DH13KN		1		2	6	8	8	0
14	12131258	TRIỆU ANH	DŨNG	DH12CH		1		2	6	8	8	0
15	12120029	LÝ THANH	DUY	DH12KT		1		3	6	9	9	0
16	13122024	TRẦN	DUY	DH13TM		1		3	5	8	8	0
17	13122026	LƯƠNG THỊ	DUYÊN	DH13QT		1		3	5	8	8	0
18	13122029	PHẠM THỊ NGỌC	DUYÊN	DH13QT		1		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 03 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01725

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 13/06/14 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi PV227 Nhóm : 03 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13121030	CAO THỊ KIM	ĐANG	DH13PT		1		3	5	8	8	0
20	13155085	PHAN TRỌNG	ĐẠT	DH13KN		1		3	5	8	8	0
21	13155087	NGUYỄN THỊ	ĐÔNG	DH13KN		1		3	5	8	8	0
22	13155092	NGUYỄN THỊ	HÀ	DH13KN		1		3	5	8	8	0
23	13122041	LÊ CHÍ	HẢI	DH13TM		1		2	6	8	8	0
24	13120028	TRẦN THỊ	HẠNH	DH13KM		1		2	6	8	8	0
25	13155005	LÊ THU	HẰNG	DH13KN		V		V	V	V	0	0
26	13155006	ĐÀM THỊ NGỌC	HÂN	DH13KN				2	6	8	8	0
27	13120212	TRẦN NGỌC	HÂN	DH13KM				2	6	8	8	0
28	13120031	NGUYỄN NGỌC	HIỀN	DH13KM				2	6	8	8	0

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 27

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05

Tổ : 002

Mã nhận dạng 01732

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13123044	PHẠM THỊ HỒNG	HÂN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
2	13123046	BÙI THỊ NGỌC	HIỀN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
3	13123048	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
4	13123051	PHAN THỊ THANH	HỒNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
5	13123053	TRỊNH THỊ	HUỆ	DH13KE		1		3	5	8	8	0
6	13123054	LÊ THỊ HẠ	HUYỀN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
7	13123055	NGUYỄN VĂN	HƯNG	DH13KE		2		3	5	8	8	0
8	13123056	CAO THỊ	HƯƠNG	DH13KE							0	0
9	13123057	ĐẶNG THỊ	HƯƠNG	DH13KE		2		3	6	9	9	0
10	13123058	NGUYỄN HUỲNH THANH	HƯƠNG	DH13KE		2		3	6	9	9	0
11	13123059	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH13KE		2		3	6	9	9	0
12	13123061	NGUYỄN THỊ THANH	KIỀU	DH13KE		2		3	6	9	9	0
13	13123062	THI THỊ MỸ	KIỀU	DH13KE		2		3	5	8	8	0
14	13123063	MAI THỊ HƯƠNG	LAN	DH13KE		2		3	6	9	9	0
15	13123064	NGUYỄN KIM	LÂN	DH13KE		2		3	5	8	8	0
16	13123065	TRƯƠNG THỊ	LÂN	DH13KE		2		3	5	8	8	0
17	13123066	ĐỖ THỊ KIM	LIÊN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
18	13123069	NGUYỄN LÊ ÁI	LINH	DH13KE		1		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01732

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13123071	DƯƠNG THỊ THANH	LOAN	DH13KE		1		7	5	8	8	0
20	13123072	NGUYỄN THỊ PHÚ	LỘC	DH13KE		1		9	5	8	8	0
21	13123074	NGUYỄN HUỲNH	MAI	DH13KE		2		3	6	9	9	0
22	13123076	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	DH13KE	Mai	2		3	6	9	9	0
23	13123077	PHAN THỊ	MAI	DH13KE		2		3	5	8	8	0
24	13123078	ĐÀO THỊ THANH	NGA	DH13KE		2		3	6	9	9	0
25	13123079	HOÀNG THỊ	NGA	DH13KE		1		3	5	8	8	0
26	13123080	TRẦN THỊ THU	NGA	DH13KE		2		3	5	8	8	0
27	13123081	VÕ THỊ HỒNG	NGA	DH13KE		1		3	5	8	8	0
28	13123082	MAI THỊ TUYẾT	NGÂN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
29	13123083	TRỊNH THỊ BÍCH	NGÂN	DH13KE		2		3	5	8	8	0
30	13123085	TRẦN THỊ	NGHĨA	DH13KE		2		3	5	8	8	0
31	13123086	CHÂU ĐẠI	NGỌC	DH13KE		2		3	5	8	8	0
32	13123087	LÊ HỒNG	NGỌC	DH13KE							0	0
33	13123091	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGUYÊN	DH13KE		2		3	5	8	8	0
34	13123093	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH13KE		2		3	5	8	8	0
35	13123094	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	DH13KE		2		3	5	8	8	0
36	13123095	PHAN THỊ	NGUYỆT	DH13KE		2		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05

Tổ : 002

Mã nhận dạng 01732

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13123096	VÕ THANH	NGUYỆT	DH13KE		2		3	5	8	8	
38	13123098	TRẦN THỊ THANH	NHÀN	DH13KE		1		3	5	8	8	
39	13123097	NGUYỄN THỊ	NHANH	DH13KE		2		3	5	8	8	
40	13123099	CAO HỒNG	NHÂN	DH13KE		1		3	5	8	8	
41	13123103	TRẦN THỊ KIM	NHỊ	DH13KE		2		3	5	8	8	
42	13123105	BÙI THỊ	NHUNG	DH13KE		2		3	5	8	8	
43	13123106	LÊ THỊ TUYẾT	NHUNG	DH13KE		2		3	5	8	8	
44	13123107	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH13KE		2		3	5	8	8	
45	13123108	PHẠM THỊ HỒNG	NHUNG	DH13KE		1		3	5	8	8	
46	13123109	TRƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	DH13KE		2		3	6	9	9	
47	13123110	VŨ THỊ HỒNG	NHUNG	DH13KE		2		3	5	8	8	
48	13123111	NGUYỄN LÝ QUỲNH	NHƯ	DH13KE		1		3	5	8	8	
49	13123113	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	DH13KE		2		3	5	8	8	
50	13123114	TRẦN THỊ KIM	OANH	DH13KE		1		3	5	8	8	
51	13123115	TRƯƠNG THỊ KIM	OANH	DH13KE		2		3	6	9	9	
52	13123116	BÙI THỊ HÀ	PHƯƠNG	DH13KE								
53	13123117	ĐẶNG HOÀNG HÀ	PHƯƠNG	DH13KE								
54	13123118	ĐỖ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	DH13KE		1		3	5	8	8	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05

Tổ : 002

Mã nhận dạng 01732

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
55	13123120	HỒ THỊ	PHƯƠNG	DH13KE		2		3	5	8	8	0
56	13123122	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
57	11123140	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	DH11KE		1		3	5	8	8	0
58	13123123	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	DH13KE		2		3	5	8	8	0
59	13123126	TRẦN THỊ KIM	PHƯỢNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
60	11131047	LÊ HƯƠNG NGỌC	QUỲNH	DH11CH		1		3	6	9	9	0
61	13123131	HỒ THỊ THU	SANG	DH13KE		2		3	5	8	8	0
62	13123133	ĐOÀN KHÁNH	TÂM	DH13KE		1		3	5	8	8	0
63	13123203	K'	THANH	DH13KE							0	0
64	13123136	NGUYỄN THỊ HOÀI	THÀNH	DH13KE		2		3	5	8	8	0
65	13123138	TRẦN HỮU	THÀNH	DH13KE		2		3	5	8	8	0
66	13123141	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	DH13KE		2		3	5	8	8	0
67	13123143	QUÁCH TRẦN HƯƠNG	THẢO	DH13KE		1		3	5	8	8	0
68	13123144	HOÀNG THỊ	THẮM	DH13KE		1		3	5	8	8	0
69	13123145	HỒ THỊ NGỌC	THI	DH13KE		1		3	5	8	8	0
70	11123148	MAI THỊ TÚ	THI	DH11KE		2		3	6	9	9	0
71	13121151	HOÀNG THỊ	THIỆN	DH13PT		1		3	6	9	9	0
72	13123146	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	DH13KE		1		3	6	9	9	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01732

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD303 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
73	13123148	NGUYỄN NGỌC	THÔNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
74	13123149	DƯƠNG THỊ	THU	DH13KE		2		3	5	8	8	0
75	13123151	HỒ THỊ ÁI	THUY	DH13KE		1		3	5	8	8	0

Số lượng vắng: 05 Hiện diện: : 70

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Liêu quang Khuê Trương Thị Mỹ Uyên

Trần Đình Nhan

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01731

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD205 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13123001	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
2	13123002	LÊ TUẤN	ANH	DH13KE		1		3	5	8	8	0
3	13123003	NGUYỄN HOÀNG TÚ	ANH	DH13KE		1		3	5	8	8	0
4	13123004	VÕ THỊ	ANH	DH13KE		2		3	5	9	9	0
5	13123005	ĐẶNG THỊ	ÁNH	DH13KE		1		3	5	8	8	0
~~6~~	~~13123007~~	~~HÀ THỊ THANH~~	~~BÌNH~~	~~DH13KE~~				3	5	8	8	0
7	13123009	DƯƠNG THIỆN	CHÂU	DH13KE		2		3	5	8	8	0
8	13123010	LÂM THỊ	CHÈO	DH13KE		2		3	5	8	8	0
9	13123011	LÊ KIM	CHI	DH13KE		1		3	5	8	8	0
10	13123012	TRẦN THỊ KIM	CHI	DH13KE		1		3	5	8	8	0
11	13123013	NGUYỄN THỊ THÀNH	CÔNG	DH13KE		1		3	5	9	9	0
12	11122003	LÊ TIẾN	DÂNG	DH11QT		1		3	5	8	8	0
13	13123017	DƯƠNG THỊ	DUNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
14	13123018	LÂM THỊ	DUNG	DH13KE		2		3	5	8	8	0
15	13123019	MAI THỊ KIM	DUNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
16	13123021	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
17	13123022	PHẠM THỊ	DUNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
18	13123024	MAI THỊ MỸ	DUYÊN	DH13KE		1		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01731

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD205 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13123025	NGUYỄN THỊ HẠNH	DUYÊN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
20	13123026	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
21	13123027	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	DH13KE		2		3	5	8	8	0
22	13123029	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
23	13123030	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
24	13123031	PHẠM THỊ HỒNG	ĐÀO	DH13KE		1		3	5	8	8	0
25	13123032	ĐỖ HÀ NHẬT	ĐĂNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
26	10160022	BÙI ANH	ĐỨC	DH10TK		1		3	5	8	8	0
27	13123034	CAO NGUYỄN THANH	HÀ	DH13KE				3	5	8	8	0
28	13123035	LÊ THỊ THU	HÀ	DH13KE		1		3	5	8	8	0
29	~~13123038~~	~~LÊ THỊ~~	~~HẠNH~~	~~DH13KE~~				V	V	V	V	V
30	13123037	NGUYỄN THỊ	HẢO	DH13KE		1		3	5	8	8	0
31	13123039	LÊ THÁI	HẰNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
32	13123040	LÊ THỊ	HẰNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
33	13123042	ĐẶNG BẢO	HÂN	DH13KE		1		3	5	8	8	0

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: : 31

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01733

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 05 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13123152	CAO THỊ	THÚY	DH13KE					Vắ			
2	13123155	LÊ NGỌC	THÚY	DH13KE		1		3	5	8	8	
3	13123165	HOÀNG	TRÀ	DH13KE		2		3	6	9	9	
4	13123158	ĐỖ HUYỀN	TRANG	DH13KE		1		3	5	8	8	
5	13123159	NGÔ THỊ KIỀU	TRANG	DH13KE		1		3	5	8	8	
6	13123160	NGUYỄN THỊ HIỀN	TRANG	DH13KE		1		3	5	8	8	
7	13123161	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	DH13KE		2		3	6	9	9	
8	13123162	NGUYỄN THỊ LINH	TRANG	DH13KE		1		3	5	8	8	
9	13123163	NGUYỄN VŨ ĐOAN	TRANG	DH13KE		1		3	5	8	8	
10	13123166	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	DH13KE		1		3	5	8	8	
11	11131080	NGUYỄN VĂN	TRI	DH11CH		1		3	5	8	8	
12	13123167	NGUYỄN THỊ	TRINH	DH13KE		1		3	6	9	9	
13	13123168	NGUYỄN TÚ	TRINH	DH13KE		1		3	5	8	8	
14	13123169	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRÚC	DH13KE		1		3	5	8	8	
15	13123170	TÔ THANH	TRÚC	DH13KE		2		3	6	9	9	
16	13120449	NGUYỄN MINH	TUẤN	DH13KM		2		3	6	9	9	
17	13123171	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	DH13KE		1		3	5	8	8	
18	13123176	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	DH13KE		2		3	6	9	9	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01733

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD305 Nhóm : 05 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13123180	TRỊNH HOÀNG MAI	UYÊN	DH13KE		2		3	6	9	9	0
20	13123181	VÕ THỊ PHƯƠNG	UYÊN	DH13KE		1		3	7	8	8	0
21	13123182	HUỲNH THỊ THÚY	VÂN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
22	13123183	NGUYỄN THỊ HỒNG	VÂN	DH13KE		2		3	5	8	8	0
23	13123184	NGUYỄN THỊ KIM	VÂN	DH13KE		2		3	5	8	8	0
24	13123185	ĐINH THỊ HỒNG	VƯƠNG	DH13KE		1		3	5	8	8	0
25	13120118	HOÀNG NGỌC THÚY	VY	DH13KM				V	V	V	V	V
26	13122226	TRẦN NGUYỄN TƯỜNG	VY	DH13QT		2		3	6	9	9	0
27	13123188	NGUYỄN THỊ DIỆU	XUÂN	DH13KE		1		3	7	8	8	0
28	13123189	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	DH13KE		1		3	5	8	8	0
29	13123192	NGUYỄN NHƯ	Ý	DH13KE		2		3	1	8	8	0
30	13123193	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	DH13KE		2		3	5	8	8	0
31	13123190	VÕ THỊ	YẾN	DH13KE				V	V	V	V	V
32	13123191	VÕ THỊ SONG	YẾN	DH13KE		2		3	8	8	8	0

Số lượng vắng: 3 Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1

Phạm Ngọc Sáng

Cán bộ coi thi 2

Lê Hoài Ninh

Xác nhận của khoa/bộ môn

ThS. Nguyễn Duyên Lin

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01724

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV225 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155183	NGUYỄN THỊ	NHÀN	DH13KN		1		3	5	8	8	0
2	13131440	ĐOÀN THỊ	NHIÊN	DH13CH		1		3	5	8	8	0
3	11131009	PHẠM HỮU	NHƠN	DH11CH		1		2	5	7	7	0
4	13122349	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	DH13TM		1		3	5	8	8	0
5	13122118	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	DH13TM		1		3	5	8	8	0
6	13122120	TRẦN TRỊNH QUỲNH	NHƯ	DH13QT		1		3	5	8	8	0
7	12131241	LÊ THỊ CẨM	PHƯƠNG	DH12CH		1		3	5	8	8	0
8	13120345	NGUYỄN NHƯ	PHƯƠNG	DH13KM		1		3	5	8	8	0
9	13122364	NGÔ THỊ	PHƯỢNG	DH13TM		1		3	5	8	8	0
10	12124268	ĐỖ MINH	QUANG	DH12QL		1		2	5	7	7	0
11	13122134	NGUYỄN THỊ BÍCH	QUY	DH13QT		2		3	5	8	8	0
12	13122367	MAI TRẦN TỐ	QUYÊN	DH13TM		2		3	5	8	8	0
13	12131214	TRẦN NHƯ	QUYÊN	DH12TK		2		3	5	8	8	0
14	13120355	TRỊNH THỊ THANH	QUYÊN	DH13KM		1		3	5	8	8	0
15	13122137	HUỲNH ANH	QUỲNH	DH13QT		2		3	5	8	8	0
16	13122140	THÀNH TÀI NỮ TRÚC	QUỲNH	DH13TM		2		3	5	8	8	0
17	13122145	TÔ NHỰT	TÂN	DH13TM					Vắng	V	0	0
18	13122146	VÕ THANH	TÂN	DH13TM		2		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01724

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV225 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13122155	DƯƠNG NGỌC	THẠCH	DH13TM		1		3	5	8	8	0
20	13122379	NGUYỄN THỊ	THANH	DH13TM		1		3	5	8	8	0
21	12131163	LÂM THỊ THANH	THÀNH	DH12TK		1		2	5	7	7	0
22	13122152	NGUYỄN TRẦN PHƯƠNG	THẢO	DH13TM		2		3	5	8	8	0
23	13155256	NGUYỄN THỊ	THẮM	DH13KN		1		3	5	8	8	0
24	13122159	NGUYỄN THỊ NGỌC	THI	DH13TM		1		3	5	8	8	0
25	13122161	VÕ THỊ YẾN	THI	DH13TM		2		3	6	9	9	0
26	11120016	NGŨ NỮ YẾN	THU	DH11KT		2		3	5	8	8	0
27	13122164	PHẠM THỊ	THU	DH13QT		1		3	5	8	8	0
28	12131212	TRẦN THỊ THANH	THỦY	DH12CH		2		3	5	8	8	0
29	13120405	TRƯƠNG NGỌC BÍCH	THỦY	DH13KM		1		3	5	8	8	0
30	13122175	PHAN THỊ	THƯƠNG	DH13TM		1		3	5	8	8	0
31	12124321	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	DH12QL		1		3	5	8	8	0
32	12131154	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	DH12CH		1		3	5	8	8	0
33	13122194	VŨ THỊ NGỌC	TRÂM	DH13QT		2		3	5	8	8	0
34	13122427	TRẦN THẾ NGỌC	TRÂM	DH13TM		1		2	5	7	7	0
35	13155286	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	DH13KN		1		3	5	8	8	0
36	13122201	TRẦN THỊ TUYẾT	TRINH	DH13TM		2		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 003

Mã nhận dạng 01724

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV225 Nhóm : 02 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13120110	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRUYỀN	DH13KM		1		3	5	8	8	0
38	12131305	PHẠM VĂN	TRƯỜNG	DH12CH		2		3	5	8	8	0
39	13122215	VÕ THỊ CẨM	TÚ	DH13QT		2		3	5	8	8	0
40	12131247	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	DH12CH		2		3	5	8	8	0
41	13155293	TRẦN THANH	TUYỀN	DH13KN		2		3	5	8	8	0
42	12131196	NGUYỄN THỊ THANH	VÂN	DH12TK		1		3	5	8	8	0
43	13120476	DƯƠNG THỊ NGỌC	VI	DH13KM		1		3	5	8	8	0
44	13120481	LƯƠNG HOÀNG	VY	DH13KM		1		3	5	8	8	0
45	13122232	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	YẾN	DH13TM		1		3	5	8	8	0

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 44

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	12120072	LÝ THỊ	HOA	DH12KT		1		3	5	8	8	0
2	13120222	TRẦN THỊ	HỒNG	DH13KM		1		3	5	8	8	0
3	13122057	HỒ THỊ	HUỆ	DH13TM		2		3	6	9	9	0
4	13155116	NGUYỄN THỊ XUÂN	HUYÊN	DH13KN		2		3	6	9	9	0
5	13120223	ĐẶNG THỊ LỆ	HUYỀN	DH13KM		2		3	5	8	8	0
6	13120225	NGUYỄN THỊ NGỌC	HUYỀN	DH13KM		1		3	5	8	8	0
7	12120033	ĐẶNG THỊ MỸ	HƯƠNG	DH12KT		1		3	5	8	8	0
8	13155126	HỨA THỊ MAI	HƯƠNG	DH13KN		1		3	5	8	8	0
9	12122152	ĐOÀN THỊ THANH	HƯỜNG	DH12TM		2		3	5	8	8	0
10	13122304	NGUYỄN THU	HƯỜNG	DH13QT		2		3	5	8	8	0
11	13155139	LÊ THỊ	KIỀU	DH13KN		1		3	5	8	8	0
12	13122319	HỒ SỸ	LINH	DH13TM		1		3	5	8	8	0
13	12131182	NGUYỄN THỊ HỒNG	LINH	DH12TK		1		3	5	8	8	0
14	13155149	NGUYỄN THỊ NINH	LINH	DH13KN		1		3	5	8	8	0
15	12120174	DƯƠNG HUY HOÀNG	LỘC	DH12KT		1		3	5	8	8	0
16	13155152	LÊ PHƯỚC	LỢI	DH13KN		2		4	5	8	8	0
17	13122324	BÙI THÀNH	LUÂN	DH13TM		1		3	5	8	8	0
18	13155155	TRÁC DUY	LUÂN	DH13KN		1		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13122085	ĐÀO THỊ TRÚC	LY	DH13TM		2		3	7	8	8	0
20	13122090	NGUYỄN THỊ TRÚC	MAI	DH13QT		2		3	6	9	9	0
21	13122091	NGUYỄN NGỌC	MÃI	DH13TM		2		3	6	9	9	0
22	12131046	ĐẶNG XUÂN	MINH	DH12TK		1		3	5	8	8	0
23	13122098	NGUYỄN THỊ LỆ	MỸ	DH13TM		2		3	6	9	9	0
24	13120290	MINH HOÀNG	NAM	DH13KM		1		3	5	8	8	0
25	12131048	NGUYỄN HỮU	NAM	DH12CH		1		7	5	8	8	0
26	12131271	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	NAM	DH12TK		2		3	5	8	8	0
27	11120010	NGUYỄN VĂN	NAM	DH11KT		1		3	5	8	8	0
28	13120291	NGUYỄN THỊ KIM	NGA	DH13KM		2		3	6	9	9	0
29	11120022	NGÔ THỊ THU	NGÂN	DH11KT		1		3	5	8	8	0
30	12131146	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	DH12CH		1		3	5	8	8	0
31	13120060	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	DH13KT		1		3	5	8	8	0
32	13122103	TRẦN THỊ NGỌC	NGÂN	DH13QT		2		3	5	8	8	0
33	13122340	LÊ KIM	NGUYÊN	DH13QT		1		3	5	8	8	0
34	13122109	LÊ THÁI	NGUYÊN	DH13TM		2		3	6	9	9	0
35	13120315	PHẠM THỊ MINH	NGUYÊN	DH13KM		1		3	6	9	9	0
36	13122111	AO THỊ MINH	NGUYỆT	DH13QT		1		3	5	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 002

Mã nhận dạng 01723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV223 Nhóm : 02 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên	LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13120066	ĐẶNG MINH NGUYỆT	DH13KM		1		3	6	9	9	0

Số lượng vắng: 0 Hiện diện: : 37

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Ng. T. Duy

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01722

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13120001	PHAN THỊ	AN	DH13KM		1		3	7	6	6	0
2	13122002	HOÀNG	ANH	DH13QT		1		7	7	8	8	0
3	13122003	HOÀNG THỊ QUỲNH	ANH	DH13QT		2		3	6	9	9	0
4	12122099	VŨ CAO TUẤN	ANH	DH12TM		1		3	7	8	8	0
5	13122009	HỒ KIM	ÂN	DH13QT		1		3	7	8	8	0
6	12123069	ĐẬU ĐỨC	CHÂU	DH12KE		1		3	5	8	8	0
7	13122013	LÊ PHƯƠNG QUẾ	CHI	DH13TM		2		3	6	9	9	0
8	13122014	NGUYỄN HÀ PHƯƠNG	CHI	DH13QT				V	V	V	0	0
9	12131021	NGUYỄN VĂN	DÂNG	DH12TK		2		3	6	9	9	0
10	13122022	PHAN THANH	DIỆU	DH13TM		2		3	5	8	8	0
11	13155077	HOÀNG THỊ MỸ	DUNG	DH13KN				V	V	V	0	0
12	13122258	PHAN VĂN	DŨNG	DH13TM				V	V	V	0	0
13	12122009	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	DH12QT		2		3	7	8	8	0
14	13120020	NGUYỄN THỊ KHÁNH	DƯƠNG	DH13KM		1		5	3	1	1	0
15	11143044	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	DH11KM		1		3	6	9	9	0
16	12131209	VÕ THỊ BÍCH	ĐÀO	DH12CH		2		3	5	8	8	0
17	13120188	NGUYỄN HOÀI	ĐỨC	DH13KM		1		3	5	8	8	0
18	13122038	PHẠM THỊ	ĐƯỢC	DH13TM		1		3	6	8	8	0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 02 Tổ : 001

Mã nhận dạng 01722

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Phong thủy ứng dụng-209509 Ngày Thi : 22/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi PV219 Nhóm : 02 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13122266	CAO THỊ	GIAO	DH13TM	giao	2		3	5	8	8	0
20	13122042	PHÚ VĂN	HẢI	DH13QT	hu	1		3	5	8	8	0
21	13120208	NGUYỄN THỊ	HẰNG	DH13KM	Hang	1		3	5	8	8	0
22	12131123	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	DH12CH		1		3	5	8	8	0
23	12122134	HỒ THỊ	HẬU	DH12TM	Hau	2		3	5	8	8	0
24	13122277	NGUYỄN TRUNG	HẬU	DH13TM		1		3	5	8	8	0
25	13120030	HUỲNH THỊ	HIỀN	DH13KM	Hiền	1		3	5	8	8	0
26	13122278	NGUYỄN THỊ	HIỀN	DH13TM	Hien	2		3	6	9	9	0
27	13120034	DƯƠNG THỊ THANH	HIẾU	DH13KM	Hiếu	1		3	5	8	8	0
28	13122053	PHẠM THỊ HỒNG	HIẾU	DH13TM	Hiếu	1		3	5	8	8	0

Số lượng vắng: 3 Hiện diện: : 25

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Bích

ThS. Nguyễn Duyên Linh

ThS. Nguyễn Duyên Linh